

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO THẮNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Chiểu
2. Bà Nguyễn Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 228/2020/TLST- HNGĐ ngày 20/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1983

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số N, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn L, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn M, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 19/10/2020, bản tự khai ngày 20/10/2020 và trong quá trình xét xử thì chị Ngô Thị N và anh Phạm Văn M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh M nghiện chất ma

túy, chị tham gia khuyên bảo anh để anh cai nghiện, nhưng sau khi anh cai nghiện chỉ được một thời gian ngắn anh lại tái nghiện nên không thể cùng chị gánh vác kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, do anh M không thay đổi nên mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng hơn. Anh chị đã tự sống ly thân từ tháng 12 năm 2015 và không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn M.

Về con chung: Chị Ngô Thị N xác nhận chị và anh Phạm Văn M có một người con chung cháu Phạm Mai L, sinh ngày 22/01/2008, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Phạm Văn M phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Ngô Thị N xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn chị thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Ngô Thị N xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 16/11/2020 cháu Phạm Mai L có nguyện vọng được mẹ đẻ là chị Ngô Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với bị đơn anh Phạm Văn M, trong quá trình giải quyết vụ án, anh vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo việc giải quyết vụ án trên báo, đài trung ương, công thông tin điện tử Tòa án nhưng anh Phạm Văn M vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Phạm Văn M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc anh M vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai nhận định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Ngô Thị N.

Xử cho chị Ngô Thị N ly hôn anh Phạm Văn M;

Xử giao cháu Phạm Mai L, sinh ngày 22/01/2008 cho chị Ngô Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Ngô Thị N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Phạm Văn M (địa chỉ: Tổ dân phố số N, thị trấn T, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Bị đơn anh Phạm Văn M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N và anh Phạm Văn M kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 10/4/2007 tại ủy ban nhân dân thị trấn Tăng Lũng, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị Ngô Thị N đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, tại phiên toà chị Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn M. Đối với anh Phạm Văn M vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết các các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo việc giải quyết vụ án trên báo, đài trung ương, công thông tin điện tử Tòa án nhưng anh M không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Ngô Thị N anh Phạm Văn M đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 12 năm 2015 đến nay, nên việc chị Ngô Thị N xin ly hôn anh Phạm Văn M là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Ngô Thị N ly hôn anh Phạm Văn M.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có một người con chung cháu Phạm Mai L, sinh ngày 22/01/2008, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với chị Ngô Thị N. Tại phiên tòa chị Ngô Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm

Mai Lan và không yêu anh Phạm Văn M cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của chị Ngô Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Phạm Mai L hiện đang ở cùng chị Ngô Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ngô Thị N đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh công việc chính của chị ở địa phương là làm ruộng và chăn nuôi mức thu nhập bình quân từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng/tháng. Anh Phạm Văn M không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Phạm Mai L, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu và nguyện vọng của cháu. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Phạm Mai L cho chị Ngô Thị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Ngô Thị N không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa chị Ngô Thị N xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có tạo dựng được một số tài sản chung, khi ly hôn chị thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Ngô Thị N xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Ngô Thị N ly hôn anh Phạm Văn M

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Mai L, sinh ngày 22/01/2008 cho chị Ngô Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn M không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Phạm Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm

ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002605 ngày 20/10/2020.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND TT T;
- Đường sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**  
**(đã ký)**

**Phạm Thị Thu Hằng**